TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DSST
Ngày 02 - 5 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng cầm cố".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Brứk và Bà Chế Thị Mai.
Thư ký phiên Toà: Ông Phạm Hữu Công – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Kon Tum.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Y Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2023/TLST-DS, ngày 28 tháng 12 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/QĐST-DS, ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Công ty TNHH S. Địa chỉ: Số V, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Đại diện theo pháp luật: Ông P – Chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị T; Địa chỉ: Số M, đường T, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; (có mặt)

Bị đơn: Chị Y S; sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn K, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đào Thị T trình bày:

Vào ngày 21/09/2022, chị Y S có đến chi nhánh Kon Tum của công ty T để ký hợp đồng cầm cố tài sản số: KTM220901009NA22X, số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia: Giaodichdambao/botuphap:1473320423. Cụ thể tài sản cầm cố tài sản là: 01 xe môtô hai bánh biển kiểm soát: 82B2-087.53, loại xe HONDA VISION, màu: Trắng đen bạc; Số khung: RLHJK0303NY009388; số máy: JK0350079875 và giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 023427, do Phòng Cảnh Sát Giao thông Công An Tỉnh Kon Tum cấp ngày 21/04/2022, để lấy số tiền là 22.000.000 đồng *(Hai mươi hai triệu đồng),* thời hạn cầm cố là 12 tháng từ *(từ 21/09/2022 – 21/09/2023)* với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì

Công ty đã giải ngân số tiền trên cho chị Y S, chị Y S đã nhận đủ tiền. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho chị Y S mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 21/09/2022 đến 21/10/2022 địa điểm trả xe là tại chi nhánh Kon Tum 01.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố, chị Y S đã thanh toán được số tiền tính đến ngày 22/05/2023 là: 12,828,000 vnd *(Mười hai triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn đồng*, gồm: Tiền gốc: 8.660.462đ; tiền lãi: 1.031.419đ, tiền phí bảo dưỡng và phí hao mòn: 2.310.000đ; tiền phí trả chậm: 361.439đ

Tính đến nay ngày 17/11/2023 trễ 241 ngày, chị Y S không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho công ty. Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà chị Y S nhưng đều không gặp. Công ty TNHH S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Y S phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền là 20.261.965 đồng (*Hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 13.339.538 đồng; tiền lãi tính đến ngày 02/5/2024 là 6.922.427 đồng. Phí quản lý hồ sơ: 271.025 đồng và tiếp tục chịu lãi suất chậm trả theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST) yêu cầu bị đơn phải chịu.

Đối với yêu cầu trả lại xe và tiền phí bảo dưỡng, tiền hao mòn xe là 3.234.000 đồng nguyên đơn xin rút các yêu cầu này, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện.

Bị đơn chị Y S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo và giấy triệu tập theo quy định của pháp luật nhưng chị Y S không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố; đồng thời Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xet xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Y S vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng: Thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH S. Cụ thể, buộc chị Y S phải trả tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 02/5/2024 và tiền phí hồ sơ; tiền lãi chậm trả theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố đã ký giữa các bên. Bị đơn phải chịu án phí DSST; nguyên đơn không phải chịu án phí. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện về đòi lại xe, tiền hao mòn, bảo quản xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Kon Tum nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án thành phố Kon Tum giải quyết là đúng quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn như đại diện VKS đề nghị là đúng pháp luật cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 5 BLTTDS thì nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc nếu chị Y S không trả tiền thì trả lại xe và tiền phí bảo dưỡng, tiền hao mòn xe là 3.234.000 đồng. Việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận, không xem xét giải quyết.

[2] *Về nôi dung vụ án:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 BLTTDS đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh nếu không đưa ra được chứng cứ chứng minh thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản, thông báo về việc khởi kiện nhưng bị đơn chị Y S không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thì giữa Công ty TNHH S và chị Y S có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản là 01 xe môtô hai bánh biển kiểm soát 82B2-087.53 để chị Y S nhận số tiền là 22.000.000 đồng *(Hai mươi hai triệu đồng)*, thời hạn cầm cố là 12 tháng từ *(từ 21/09/2022 – 21/09/2023)* với mức lãi suất là 1,1%/ tháng.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên chị Y S có mượn lại xe sử dụng, được Công ty đồng ý và hai bên đã ký giấy Giấy mượn xe với thời hạn mượn xe từ 21/09/2022 đến 21/10/2022. Các hợp đồng và thỏa thuận trên là sự thật.

Trong thời hạn thực hiện hợp đồng cầm có thì tính đến ngày 22/05/2023 chị Y S đã thanh toán cho Công ty được số tiền là: 12,828,000 đồng *(Mười hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng)*, gồm: Tiền gốc là 8.660.462 đồng; Tiền lãi 1.031.419 đồng; Phí bảo dưỡng và phí hao mòn: 2.310.000 đồng; Phí trả chậm trả là 361.439 đồng. Sau đó, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Căn cứ Điều 280, 357, 309, 312 và 313 của Bộ luật Dân sự 2015, thì yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn buộc chị Y S phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền là 20.261.965 đồng (*Hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 13.339.538 đồng; tiền lãi tính đến ngày 02/5/2024 là 6.922.427 đồng. Phí quản lý hồ sơ: 271.025 đồng và tiếp tục chịu lãi suất chậm trả theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ cần chấp nhận và khi chị Y S trả đủ số tiền phải trả thì Công ty TNHH S phải trả lại cho chị Y S Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 023427, do Phòng Cảnh Sát Giao thông Công An Tỉnh Kon Tum cấp ngày 21/04/2022 mnag tên Y S.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST) yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu; Nguyên đơn không phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm a khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 280, 357, 311, 312 và Điều 315 Bộ luật dân sự.

Xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"* của nguyên đơn Công ty TNHH S.

Buộc chị Y S phải trả cho Công ty TNHH S số tiền là 20.261.965 đồng (*Hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 13.339.538 đồng; tiền lãi tính đến ngày 02/5/2024 là 6.922.427 đồng; Phí quản lý hồ sơ: 271.025 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn thi hành án mà bên phải thi hành án không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền phải trả thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp số KTM220901009NA22X ngày 21/09/2022. Thời gian tính lãi kể từ ngày 03/5/2024 cho đến khi trả nợ xong.

Khi chị Y Sh trả đủ số tiền phải trả thì Công ty TNHH S phải trả lại cho chị Y S Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 023427, do Phòng Cảnh Sát Giao thông Công An Tỉnh Kon Tum cấp ngày 21/04/2022 mnag tên Y S.

2. Về án phí: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm là 1.013.098 đồng (*Một triệu, không trăm mười ba nghìn, không trăm chín mươi tám đồng*), chị Y S phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền 507.000 đồng *(Năm trăm linh bảy nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000638 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/5/2024), nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Kon Tum;
- Chi cục THADS thành phố Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung